

NGƯỜI VIỆT NAM ĐỊNH CƯ Ở NƯỚC NGOÀI VÀ CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT QUỐC TỊCH VIỆT NAM NĂM 2008

ThS. NGUYỄN THỊ KIM NGÂN *

1. Khái niệm người Việt Nam định cư ở nước ngoài trong Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008

Theo Điều 3 Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008, “*Người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam và người gốc Việt Nam cư trú, sinh sống lâu dài ở nước ngoài*”. Với cách giải thích này có thể thấy ngoài yếu tố cư trú, sinh sống lâu dài ở nước ngoài, yếu tố quốc tịch là căn cứ quan trọng để phân chia người Việt Nam định cư ở nước ngoài thành hai nhóm đối tượng là công dân Việt Nam và người gốc Việt Nam.

- Công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài là người dù cư trú, sinh sống lâu dài ở nước ngoài nhưng họ vẫn giữ quốc tịch Việt Nam. Quốc tịch Việt Nam thể hiện mối quan hệ gắn bó của cá nhân với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của công dân đối với Nhà nước và quyền, trách nhiệm của Nhà nước đối với công dân. Mối quan hệ quốc tịch là mối quan hệ có tính bền vững và ổn định. Công dân Việt Nam dù cư trú ở bất kì đâu, trên lãnh thổ Việt Nam hay cư trú ở nước ngoài thì mối quan hệ quốc tịch giữa Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và công dân Việt Nam vẫn được duy trì. Công dân Việt Nam

định cư ở nước ngoài được hưởng đầy đủ các quyền và nghĩa vụ mà pháp luật Việt Nam quy định cho họ.

- Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài là người đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch của họ được xác định theo nguyên tắc huyết thống và con, cháu của họ đang cư trú, sinh sống lâu dài ở nước ngoài.⁽¹⁾

Khác với công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam là đối tượng đã từng có quốc tịch Việt Nam (do khi sinh ra cha mẹ họ là công dân Việt Nam) nhưng nay không còn giữ quốc tịch Việt Nam nữa. Nguyên nhân dẫn đến việc mất quốc tịch Việt Nam của nhóm đối tượng này chủ yếu là do cha mẹ hoặc chính bản thân họ đã xin thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch của quốc gia nơi họ cư trú.⁽²⁾ Chính vì đã mất quốc tịch Việt Nam nên về mặt pháp lí, mối quan hệ giữa Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài không chặt chẽ bằng mối quan hệ giữa Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài.

* Giảng viên Khoa luật quốc tế Trường Đại học Luật Hà Nội

Trước khi Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 được ban hành, thuật ngữ “Người Việt Nam định cư ở nước ngoài” được sử dụng trong nhiều văn bản pháp luật của Việt Nam. Tuy nhiên, các văn bản trước đây chưa có sự giải thích rõ ràng khái niệm này. Chẳng hạn, Điều 2 Luật quốc tịch 1998 đưa ra hai thuật ngữ “Người Việt Nam ở nước ngoài” và “Người Việt Nam định cư ở nước ngoài” đồng thời giải thích “*Người Việt Nam ở nước ngoài là công dân Việt Nam và người gốc Việt Nam đang thường trú hoặc tạm trú ở nước ngoài*” và “*Người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam và người gốc Việt Nam cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài ở nước ngoài*”. Cách giải thích này không rõ ràng, đặc biệt là chưa có sự phân biệt giữa “thường trú ở nước ngoài” và “cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài ở nước ngoài”. Trong nhiều trường hợp, hoàn toàn có thể hiểu “thường trú” là “cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài”. Cách giải thích của Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998 đã dẫn đến sự chồng chéo, mâu thuẫn khi xác định địa vị pháp lí của hai nhóm đối tượng “Người Việt Nam ở nước ngoài” và “Người Việt Nam định cư ở nước ngoài”.

Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008, ngoài việc lược bỏ thuật ngữ “Người Việt Nam ở nước ngoài” đã bổ sung giải thích cụm từ “Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài”. Với sự giải thích này, khái niệm “Người Việt Nam định cư ở nước ngoài” đã được hoàn thiện và làm sáng tỏ, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện, áp dụng Luật.

2. Quy định của Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 đối với công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài

a. Quyền và nghĩa vụ của công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài

Công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ mà pháp luật Việt Nam quy định cho họ. Khoản 3 Điều 5 Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 quy định: “*Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có chính sách để công dân Việt Nam ở nước ngoài có điều kiện hưởng các quyền công dân và làm các nghĩa vụ công dân phù hợp với hoàn cảnh sống xa đất nước*”. Cụ thể hoá quy định này, Việt Nam đã, đang và sẽ tiếp tục có những chính sách cụ thể để công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài khi về nước được hưởng một số quyền như công dân Việt Nam ở trong nước như miễn thị thực nhập, xuất cảnh, quyền mua nhà để ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở...

Quyền giữ quốc tịch Việt Nam bên cạnh quốc tịch nước ngoài của công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài cũng được Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 ghi nhận khá rõ ràng. Trước đây, với nguyên tắc một quốc tịch được quy định trong Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998, công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài, về mặt pháp lí, mang một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam. Tuy nhiên quy định này không có cơ chế bảo đảm thực hiện nên trở thành hình thức, mang tính tuyên ngôn nhiều hơn là nguyên tắc pháp luật. Trên thực tế, một bộ phận khá lớn công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài vừa c

quốc tịch Việt Nam vừa có quốc tịch nước ngoài. Tình trạng hai quốc tịch này đã dẫn tới những tranh chấp liên quan đến vấn đề bảo hộ công dân giữa Việt Nam và các nước, trong đó đặc biệt là vấn đề áp dụng pháp luật hình sự, hành chính khi công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam. Tình hình trên đây cũng làm chò các cơ quan Nhà nước Việt Nam gặp khó khăn khi giải quyết các vấn đề hành chính, giao dịch dân sự, kinh tế... liên quan đến công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài mang hai quốc tịch. Chính vì vậy, đến Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008, vấn đề quốc tịch của công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã có sự sửa đổi, bổ sung. Theo đó “*Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam công nhận công dân Việt Nam có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam, trừ trường hợp Luật này có quy định khác*”,⁽³⁾ và “*Quyền và nghĩa vụ của công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài đang định cư ở nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan*”.⁽⁴⁾

Quy định của Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 đã phản ánh sự tồn tại thực tế của tình trạng hai quốc tịch đối với một bộ phận công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đồng thời chính thức thừa nhận công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài trong một số trường hợp đặc biệt được Chủ tịch nước cho phép, có thể mang hai quốc tịch là quốc tịch Việt Nam và quốc tịch của quốc gia mà họ đang định cư. Quyền và nghĩa vụ của nhóm đối tượng này không chỉ chịu sự điều chỉnh

của pháp luật Việt Nam mà còn có thể được điều chỉnh bởi pháp luật của quốc gia mà người này cũng mang quốc tịch. Do đó, trên thực tế sẽ xảy ra xung đột giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài khi xác định địa vị pháp lí của công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài. Để giải quyết vấn đề này, Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 đã đưa ra hướng giải quyết như quy định tại Điều 12: “*Vấn đề phát sinh từ tình trạng công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài được giải quyết theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, trường hợp chưa có điều ước quốc tế thì được giải quyết theo tập quán và thông lệ quốc tế*”.

Căn cứ vào quy định của Luật này, Chính phủ kí kết hoặc đề xuất việc kí kết, quyết định gia nhập điều ước quốc tế để giải quyết vấn đề phát sinh từ tình trạng công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài”.

Bên cạnh quyền giữ quốc tịch Việt Nam, Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 cũng xác định nghĩa vụ cho công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài muốn giữ quốc tịch Việt Nam phải tiến hành đăng kí giữ quốc tịch Việt Nam. Khoản 2 Điều 13 Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 quy định: “*Người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà chưa mất quốc tịch Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam trước ngày Luật này có hiệu lực thì vẫn còn quốc tịch Việt Nam và trong thời hạn 5 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực, phải đăng kí với cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để giữ quốc tịch Việt Nam*”.

Như vậy, theo quy định trong thời hạn 5 năm kể từ ngày Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 có hiệu lực (ngày 1/7/2009) nếu công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài không thực hiện đăng kí giữ quốc tịch Việt Nam thì sẽ mất quốc tịch Việt Nam. Quy định đăng kí giữ quốc tịch Việt Nam là quy định hoàn toàn mới của Luật quốc tịch năm 2008.

Trong nhiều năm qua, do không có cơ chế đăng kí giữ quốc tịch Việt Nam nên với khoảng 3 triệu người Việt Nam ở nước ngoài, Việt Nam không thể nắm được số lượng công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài, số lượng công dân Việt Nam chỉ có quốc tịch Việt Nam mà không có quốc tịch nước ngoài và số lượng người chỉ có quốc tịch nước ngoài mà không còn giữ quốc tịch Việt Nam. Chính vì vậy, việc thực hiện công tác bảo hộ của Nhà nước đối với công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài rất khó thực hiện. Quy định của Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 yêu cầu công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài phải tiến hành đăng kí giữ quốc tịch Việt Nam sẽ giải quyết tình trạng không rõ ràng về quốc tịch Việt Nam của công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan chức năng của Việt Nam trong công tác quản lí số lượng công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài. Quy định này được thực hiện trong vòng 5 năm. Các điều kiện cụ thể, cũng như thủ tục, trình tự đăng kí giữ quốc tịch Việt Nam sẽ do Chính phủ quy định.

Thực tiễn thời gian qua cho thấy công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài vẫn giữ

quốc tịch Việt Nam bên cạnh quốc tịch nước ngoài là do quốc gia đó không bắt buộc công dân Việt Nam phải thôi quốc tịch gốc khi nhập quốc tịch của quốc gia đó (như Hoa Kỳ, Pháp, Australia...). Đối với một số quốc gia như Đức, Trung Quốc..., công dân Việt Nam muốn nhập quốc tịch đó phải làm thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam. Trong những trường hợp này, để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của công dân Việt Nam, Nhà nước Việt Nam sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công dân Việt Nam được thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, góp phần giúp họ sớm ổn định cuộc sống và hoà nhập với cộng đồng xã hội nước sở tại. Điều này càng thể hiện rõ sự quan tâm của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài.

b. Vấn đề bảo hộ đối với công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài

Công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài vẫn còn giữ quốc tịch Việt Nam, do đó họ không chỉ được hưởng đầy đủ các quyền và nghĩa vụ mà pháp luật Việt Nam dành cho họ mà còn được hưởng sự bảo hộ công dân trong những trường hợp cần thiết. Điều 6 Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 quy định: "*Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam bảo hộ quyền lợi chính đáng của công dân Việt Nam ở nước ngoài. Các cơ quan nhà nước ở trong nước, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm thi hành mọi biện pháp cần thiết, phù hợp với pháp luật của nước sở tại, pháp luật và tập quán quốc tế để thực hiện sự bảo hộ đó*".

Quy định về bảo hộ công dân trong Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 là sự kế thừa các quy định của Luật quốc tịch năm 1998 đồng thời thể hiện tính nhất quán trong các quy định của pháp luật Việt Nam đối với công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài.⁽⁵⁾ Tuy nhiên, các quy định về bảo hộ công dân trong Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 đã được hoàn thiện hơn so với Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998. Điều 5 Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998 quy định: “*Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bảo hộ quyền lợi chính đáng của người Việt Nam ở nước ngoài*”. Quy định này chưa thực sự chặt chẽ, bởi trong quan hệ quốc tế, một trong những nguyên tắc của bảo hộ công dân là quốc gia chỉ tiến hành các biện pháp bảo hộ đối với những người vẫn còn giữ quốc tịch của quốc gia. Trong khi đó với nội dung Điều 5 Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998, hoàn toàn có thể hiểu Việt Nam sẽ tiến hành bảo hộ không chỉ đối với công dân Việt Nam mà cả đối với người gốc Việt Nam ở nước ngoài (theo giải thích tại Điều 2 Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998, người Việt Nam ở nước ngoài bao gồm công dân Việt Nam và người gốc Việt Nam đang thường trú hoặc tạm trú ở nước ngoài). Quy định như vậy là chưa phù hợp với pháp luật quốc tế và thực tiễn quan hệ giữa các quốc gia. Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 đã sửa đổi quy định này theo hướng chỉ thừa nhận quyền được Nhà nước Việt Nam bảo hộ của công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Trong khoa học pháp lý quốc tế, bảo hộ

công dân được hiểu là hoạt động của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ quyền và lợi ích của công dân nước mình ở nước ngoài khi các quyền và lợi ích này bị xâm hại. Trong một số trường hợp, bảo hộ công dân còn bao gồm các hoạt động giúp đỡ về mọi mặt mà nhà nước dành cho công dân của nước mình đang ở nước ngoài, kể cả khi không có hành vi xâm hại nào.⁽⁶⁾

Thực tiễn hoạt động bảo hộ công dân trong thời gian qua cho thấy các hoạt động mà Nhà nước Việt Nam tiến hành để bảo hộ công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài bao gồm: trợ cấp tài chính cho công dân khi gặp khó khăn; tiến hành các hoạt động bảo vệ và đảm bảo cho công dân Việt Nam được hưởng quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của nước sở tại hoặc luật pháp quốc tế; chống sự kì thị, phân biệt đối xử; hỗ trợ kiều bào có quy chế hợp pháp; tạo điều kiện thuận lợi cho kiều bào làm ăn, sinh sống, hội nhập ở nơi cư trú và bảo đảm các quyền lợi chính đáng của cộng đồng... Quỹ bảo hộ công dân và pháp nhân Việt Nam ở nước ngoài cũng đã được thành lập tháng 7/2007 và chính thức triển khai hoạt động từ 11/7/2008 với kinh phí ban đầu 20 tỉ đồng, nhằm hỗ trợ các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài trong việc bảo hộ công dân và pháp nhân, trợ giúp công dân gặp rủi ro không thể tự khắc phục. Quỹ bảo hộ công dân và pháp nhân Việt Nam ở nước ngoài thể hiện sự quan tâm và trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, giúp các cơ quan đại diện chủ động hơn trong việc hỗ trợ, giúp đỡ

công dân và pháp nhân Việt Nam ở nước ngoài trong đó có cả công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Trong công tác bảo hộ công dân, trách nhiệm tiến hành các biện pháp bảo hộ công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc về các cơ quan nhà nước ở trong nước và các cơ quan đại diện ngoại giao-lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài. Ở trong nước, Bộ ngoại giao là cơ quan chịu trách nhiệm chính trước Quốc hội và Chính phủ về các hoạt động bảo hộ công dân. Trong những trường hợp cần thiết, Bộ ngoại giao sẽ phối hợp với các bộ, ngành khác để thực hiện hoạt động này. Khi tiến hành các hoạt động bảo hộ, cơ quan chức năng Việt Nam dựa trên cơ sở pháp lý là các văn bản pháp luật quốc gia và các điều ước quốc tế hữu quan về bảo hộ công dân. Hiện nay, Nhà nước Việt Nam đã chủ động tiến hành đàm phán, kí kết các hiệp định lãnh sự, hiệp định tương trợ tư pháp với các quốc gia nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai các hoạt động bảo hộ công dân thiết thực, hiệu quả.⁽⁷⁾

3. Quy định của Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 đối với người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài

Khác với công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài, người gốc Việt Nam không còn giữ quốc tịch Việt Nam nên không được hưởng đầy đủ các quyền và nghĩa vụ mà Nhà nước Việt Nam dành cho công dân của mình. Về mặt pháp lý, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài cũng sẽ không có được sự bảo hộ ngoại giao mà Việt Nam dành cho

công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài. Tuy vậy, với chính sách đại đoàn kết dân tộc, Đảng và Nhà nước vẫn rất quan tâm đến nhóm đối tượng này. Người Việt Nam ở nước ngoài được coi là bộ phận không thể tách rời và là một nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam.⁽⁸⁾

Tương tự như các quy định về người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài của Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998, Điều 7 Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 ghi nhận: *“Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài giữ quan hệ gắn bó với gia đình và quê hương, góp phần xây dựng quê hương, đất nước.*

Nhà nước có chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho người đã mất quốc tịch Việt Nam được trở lại quốc tịch Việt Nam”.

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài được hưởng một số quyền giống như công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài khi về nước như miễn thị thực,⁽⁹⁾ quyền sở hữu nhà ở,⁽¹⁰⁾ quyền mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở⁽¹¹⁾... Ngoài ra, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài nếu có mong muốn, nguyện vọng có thể được trở lại quốc tịch Việt Nam. So với Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998, Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 đã có các quy định thông thoáng hơn tạo điều kiện thuận lợi cho người gốc Việt Nam được trở lại quốc tịch Việt Nam như: mở rộng diện đối tượng được trở lại

quốc tịch Việt Nam; trong một số trường hợp được Chủ tịch nước cho phép, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài được trở lại quốc tịch Việt Nam nhưng không phải thôi quốc tịch nước ngoài.⁽¹²⁾

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã có những hành động thiết thực tạo điều kiện thuận lợi cho người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài giữ quan hệ gắn bó với gia đình và quê hương như:

- Phổ biến, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, giới thiệu phong tục, tập quán Việt Nam nhằm phát huy tinh thần tự tôn, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, lòng yêu quê hương đất nước;

- Xây dựng chính sách ưu đãi thoả đáng đối với những chuyên gia, trí thức gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài có trình độ chuyên môn cao về Việt Nam mở rộng quan hệ hợp tác với các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong nước;

- Tăng cường công tác thông tin-văn hoá, các hoạt động giao lưu giữa người Việt Nam ở trong nước và nước ngoài; triển khai việc dạy và học tiếng Việt cho thế hệ trẻ người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài...

Tóm lại, trên cơ sở kế thừa và phát triển các quy định của Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998 về người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 đã đóng vai trò tích cực trong việc tiếp tục khẳng định chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng và Nhà nước ta, tạo ra môi liên hệ pháp lí giữa công dân với Nhà nước, góp phần làm tăng thêm mối quan hệ gắn kết cộng đồng giữa công dân Việt Nam ở trong

nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Cùng với các văn bản pháp luật quốc gia khác, Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 xác định rõ ràng địa vị pháp lí của người Việt Nam định cư ở nước ngoài, qua đó động viên đồng bào luôn hướng về Tổ quốc, góp sức xây dựng quê hương đất nước./.

(1).Xem: Khoản 4 Điều 3 Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008.

(2).Xem: Khoản 1 Điều 28 Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998 và Khoản 1 Điều 35 Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 quy định: Khi cha mẹ có sự thay đổi về quốc tịch do nhập, thôi hoặc trở lại quốc tịch Việt Nam thì quốc tịch của con chưa thành niên sinh sống cùng với cha mẹ được thay đổi theo quốc tịch của họ.

(3).Xem: Điều 4 Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008.

(4).Xem: Khoản 4 Điều 5 Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008.

(5). Vấn đề bảo hộ công dân Việt Nam ở nước ngoài được quy định trong nhiều văn bản pháp luật Việt Nam như Điều 75 Hiến pháp năm 1992, Điều 5 Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998.

(6).Xem: Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật quốc tế*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội 2008, tr. 124.

(7). Việt Nam đã kí 15 hiệp định tương trợ tư pháp (tính đến ngày 30/8/2004. Nguồn: http://www.mofa.gov.vn/vi/ct_lanhsu/nr040819100726/ns040827152628/vi ew) và 17 Hiệp định lãnh sự (tính đến ngày 15/7/2007. Nguồn: http://www.mofa.gov.vn/vi/ct_lanhsu/nr040819100726/ns070730081506).

(8).Xem: Nghị quyết của Bộ chính trị số 36-NQ/TW ngày 26/3/2004 về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài.

(9). Quy chế về miễn thị thực cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài (Ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 135/2007/QĐ-TTg ngày 17/8/2007).

(10).Xem: Điều 126 Luật nhà ở năm 2005.

(11).Xem: Điều 121 Luật đất đai năm 2003.

(12).Xem: Khoản 5 Điều 23 Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008.